

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 316/2022/DS-ST

Ngày: 20 - 9 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm

2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: 266-268 đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Trung H, trú tại: 168/4/3 đường Đ, Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 61/2022/GUQ-CNTB ngày 20 tháng 01 năm 2022) có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh L, sinh năm: 1995

Địa chỉ: 152/39 đường G, Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Ngân hàng A và quá trình giải quyết vụ án ông Trần Trung H là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 26/7/2018, Ngân hàng A (sau đây viết tắt là Sacombank) và ông Nguyễn

Minh L có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank. Theo đó, Sacombank đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông L với hạn mức là 15.000.000đ (Mười lăm triệu) đồng, số thẻ: 356480-0864, loại thẻ: JCB Motor Card với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng 2.15%/tháng.

Thực hiện hợp đồng, Sacombank đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 15.000.000đ (Mười lăm triệu) đồng cho ông L. Ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 125.467.136 đồng và mới chỉ thanh toán được một phần tiền nợ gốc, nợ lãi 119.777.022 đồng. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Sacombank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 22/02/2021. Sacombank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L phải thanh toán số tiền nợ gốc 18.290.528 đồng và nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 20/9/2022) là 14.409.468 đồng; tổng cộng là 32.699.996 đồng và tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 21/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng ông L vẫn vắng mặt nên không có lời khai tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Minh L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc 18.290.528 đồng, tiền nợ lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 14.409.468 đồng và buộc ông L có trách nhiệm tiếp tục trả lãi kể từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh L trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản

3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ 152/39 đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Ông Trần Trung H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và **điểm a khoản 1 Điều 238** của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Trung H.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh về tình trạng nơi cư trú của ông Nguyễn Minh L như sau: “*Ông Nguyễn Minh L có hộ khẩu thường trú tại 152/39 đường G, Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà đã bán, hiện cư ngụ ở đâu địa phương không nắm rõ*”. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng và sổ hộ khẩu, nhưng người bị kiện không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú và không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện, vì vậy xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ông Nguyễn Minh L (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và **điểm b khoản 1 Điều 238** của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Minh L.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908, đăng ký lần đầu: Ngày 13 tháng 01 năm 1992 và đăng ký lần cuối cùng: Ngày 09 tháng 02 năm 2021 thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (sau đây viết tắt là Sacombank) là tổ chức tín dụng. Sacombank giao

kết hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Minh L thông qua người đại diện của Ngân hàng, hợp đồng được giao kết bằng văn bản. Tại thời điểm giao kết, chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự. Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Sacombank nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015, vì vậy xác định hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Giữa Sacombank và ông Nguyễn Minh L có ký kết Hợp đồng tín dụng ngày 26/7/2018 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank. Theo đó, Sacombank đã cấp cho ông L thẻ tín dụng, loại thẻ: JCB Motor Card, số thẻ: 356480-0864, với hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng. Mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất: 2.15%/tháng. Quá trình sử dụng thẻ, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng cộng số tiền 125.467.136 đồng, đã thanh toán cho Sacombank được số tiền 119.777.022 đồng, nhưng sau đó ông L không tiếp tục thực hiện, đã vi phạm tiểu mục 13.1 mục 13, tiểu mục 21.1 mục 21 và tiểu mục 26.1 mục 26 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank. Vì vậy, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc 18.290.528 đồng sang nợ quá hạn kể từ ngày 22/02/2021 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.3] Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy Sacombank khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh L phải thanh toán số tiền nợ gốc 18.290.528đ (Mười tám triệu hai trăm chín mươi ngàn năm trăm hai mươi tám) đồng và nợ lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 20/9/2022) là 14.409.468đ (Mười bốn triệu bốn trăm lẻ chín ngàn bốn trăm sáu mươi tám) đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 91; khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Sacombank yêu cầu ông Nguyễn Minh L tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 32.699.996đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi sáu) đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.635.000đ (Một triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn) đồng.

[5.2] Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 650.450đ (Sáu trăm năm mươi nghìn bốn trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0031084 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; **điểm a, b khoản 1 Điều 238**; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 280; Điều 401; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và khoản 1, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

1.1. Buộc ông Nguyễn Minh L phải thanh toán trả Ngân hàng A số tiền nợ gốc 18.290.528đ (Mười tám triệu hai trăm chín mươi ngàn năm trăm hai mươi tám) đồng và khoản tiền nợ lãi quá hạn 14.409.468đ (Mười bốn triệu bốn trăm lẻ chín ngàn bốn trăm sáu mươi tám) đồng; tổng cộng là 32.699.996đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn chín trăm chín mươi sáu) đồng tính đến ngày 20/9/2022 phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 26/7/2018 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Sacombank.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có

thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.635.000đ (Một triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn) đồng.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 650.450đ (Sáu trăm năm mươi nghìn bốn trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0031084 ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đường sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính

Bỏ phần căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa ở phần đầu nhận định của tòa án vì xét xử vắng mặt hai bên đương sự.